

Số: 2609574(1)/KQKN
Mã số: 2608237-2
Trang 1 | 3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SẢN XUẤT LỘC THANH PHÁT**

Địa chỉ: 35A đường 206, Ấp 32, Xã Bình Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tên mẫu: **NƯỚC UỐNG ĐÓNG CHAI**

Tình trạng mẫu: Mẫu nước, chứa trong chai kín có nhãn

Ngày nhận mẫu: 14/08/2026 Thời gian thử nghiệm: 14/08 - 08/09/2026

Ngày trả kết quả: 09/09/2026

Kết quả: Xem trang 2,3/3

Ghi chú: (a): Chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện

Kết luận: Mẫu nước có các chỉ tiêu đạt theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai QCVN 6-1:2010/BYT, ngày 02/06/2010

Phụ trách chất lượng



Nguyễn Thị Thi



Phó Giám Đốc
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
DỊCH VỤ
KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
KHUÊ NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Kim Liễu

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.
- Không được tự ý sửa đổi Phiếu kết quả thử nghiệm dưới bất cứ hình thức nào/ Do not modify the test report under any circumstances.
- Không được trích dẫn một phần Phiếu kết quả thử nghiệm trong các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích/ Do not cite any part of the test report in any activities that may cause conflict in interests.
- Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng / Information of sample is written as customer's request.
- (*): Chỉ tiêu được VILAS công nhận theo ISO/IEC 17025:2017/ (*): Parameters are accredited by VILAS (ISO/IEC 17025:2017)
- KPH: không phát hiện. LOD: Giới hạn phát hiện / ND: Not Detected. LOD: Limit of detection
- Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh, kết quả được biểu thị "< 10 CFU/g" hoặc "< 1 CFU/mL" hoặc "< 10 CFU/mẫu" được xem như không phát hiện / For microbiological analyte, the results were expressed "< 10 CFU/g" or "< 1 CFU/mL" or "< 10 CFU/sample" can be considered as not detection.

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	QCVN 6-1:2010/BYT	PHƯƠNG PHÁP THỬ
01	Antimony (Sb)	mg/L	KPH (LOD=0.0015)	0.02	KN/QTH501 (2023) (Ref. US EPA Method 200.8, 1994) (*)
02	Arsen (As)	mg/L	KPH (LOD=0.0003)	0.01	KN/QTH501 (2023) (Ref. US EPA Method 200.8, 1994) (*)
03	Bari (Ba)	mg/L	KPH (LOD=0.03)	0.7	KN/QTH501 (2023) (Ref. US EPA Method 200.8, 1994) (*)
04	Bor (B)	mg/L	KPH (LOD=0.003)	0.5	KN/QTH501 (2023) (Ref. US EPA Method 200.8, 1994) (*)
05	Bromat	mg/L	KPH (LOD=0.004)	0.01	SMEWW 4110D:2023 (*) (a)
06	Cadimi (Cd)	mg/L	KPH (LOD=0.0003)	0.003	KN/QTH501 (2023) (Ref. US EPA Method 200.8, 1994) (*)
07	Clor (Cl)	mg/L	KPH (LOD=0.20)	5	TCVN 6225-3:2011 (*)
08	Clorat	mg/L	KPH (LOD=0.01)	0.7	SMEWW 4110D:2023 (*) (a)
09	Clorit	mg/L	KPH (LOD=0.01)	0.7	SMEWW 4110D:2023 (*) (a)
10	Crom (Cr)	mg/L	KPH (LOD=0.015)	0.05	KN/QTH501 (2023) (Ref. US EPA Method 200.8, 1994) (*)
11	Đồng (Cu)	mg/L	KPH (LOD=0.015)	2	KN/QTH501 (2023) (Ref. US EPA Method 200.8, 1994) (*)
12	Cyanid (CN ⁻)	mg/L	KPH (LOD=0.005)	0.07	TCVN 6181:1996 (*) (a)
13	Fluorid (F ⁻)	mg/L	KPH (LOD=0.02)	1.5	SMEWW 4500-(F-).D:2023 (*)



Số: 2609574(1)/KQKN

Mã số: 2608237-2

Trang 3/3

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	QCVN 6-1:2010/BYT	PHƯƠNG PHÁP THỬ
14	Chì (Pb)	mg/L	KPH (LOD=0.0003)	0.01	KN/QTH501 (2023) (Ref. US EPA Method 200.8, 1994) (*)
15	Mangan (Mn)	mg/L	KPH (LOD=0.015)	0.4	KN/QTH501 (2023) (Ref. US EPA Method 200.8, 1994) (*)
16	Thủy ngân (Hg)	mg/L	KPH (LOD=0.00015)	0.006	KN/QTH501 (2023) (Ref. US EPA Method 200.8, 1994) (*)
17	Molybden (Mo)	mg/L	KPH (LOD=0.003)	0.07	KN/QTH501 (2023) (Ref. US EPA Method 200.8, 1994) (*)
18	Nickel (Ni)	mg/L	KPH (LOD=0.015)	0.07	KN/QTH501 (2023) (Ref. US EPA Method 200.8, 1994) (*)
19	Nitrate	mg/L	KPH (LOD=0.15)	50	KN/QTH39 (2019) (Ref. TCVN 6180:1996) (*)
20	Nitrite	mg/L	KPH (LOD=0.02)	3	TCVN 6178:1996 (*)
21	Selen (Se)	mg/L	KPH (LOD=0.0015)	0.01	KN/QTH501 (2023) (Ref. US EPA Method 200.8, 1994) (*)
22	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/L	KPH (LOD=0.02)	0.5	SMEWW 7110B:2023 (a)
23	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/L	0.04	1	SMEWW 7110B:2023 (a)
24	Tổng số bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sulfit	CFU/50mL	0	0	ISO 6461-2:1986 (*)
25	<i>Streptococci faecal</i>	CFU/250mL	0	0	ISO 7899-2:2000 (*)
26	<i>Escherichia coli</i>	CFU/250mL	0	0	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016 (*)

Số: 2609574(2)/KQKN
Mã số: 2608237-2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SẢN XUẤT LỘC THANH PHÁT**

Địa chỉ: 35A đường 206, Ấp 32, Xã Bình Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tên mẫu: **NƯỚC UỐNG ĐÓNG CHAI**

Tình trạng mẫu: Mẫu nước, chứa trong chai kín có nhãn

Ngày nhận mẫu: 14/08/2026 Thời gian thử nghiệm: 14/08 - 08/09/2026

Ngày trả kết quả: 09/09/2026

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	QCVN6-1:2010/BYT	PHƯƠNG PHÁP THỬ
01	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	CFU/250mL	8.6×10^3	0	ISO 16266:2006 (*)
02	Coliforms	CFU/250mL	1.5×10^2	0	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016 (*)

Phụ trách chất lượng



Nguyễn Thị Thi

Phó Giám Đốc



Nguyễn Kim Liễu

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.
- Không được tự ý sửa đổi Phiếu kết quả thử nghiệm dưới bất cứ hình thức nào/ Do not modify the test report under any circumstances.
- Không được trích dẫn một phần Phiếu kết quả thử nghiệm trong các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích/ Do not cite any part of the test report in any activities that may cause conflict in interests.
- Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng / Information of sample is written as customer's request.
- (*): Chỉ tiêu được VILAS công nhận theo ISO/IEC 17025:2017/ (*) : Parameters are accredited by VILAS (ISO/IEC 17025:2017)
- KPH: không phát hiện. LOD: Giới hạn phát hiện / ND: Not Detected. LOD: Limit of detection
- Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh, kết quả được biểu thị "< 10 CFU/g" hoặc "< 1 CFU/mL" hoặc "< 10 CFU/mẫu" được xem như không phát hiện / For microbiological analyte, the results were expressed "< 10 CFU/g" or "< 1 CFU/mL" or "< 10 CFU/sample" can be considered as not detection.